

Số: /TB-BVĐKHG

Hà Giang 2, ngày 19 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v đề nghị cung cấp báo giá các mặt hàng thuốc, vị thuốc cổ truyền

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 111 /2025/NĐ - CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BKHĐT ngày 04/08/2025 của Bộ tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Bệnh viện Đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang đang lập kế hoạch mua sắm thuốc ARV và vị thuốc cổ truyền phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện. Bệnh viện kính mời các công ty có đủ năng lực cung cấp thuốc, chấp hành tốt các quy định của nhà nước về kinh doanh và bảo quản thuốc quan tâm, gửi báo giá về Bệnh viện đa khoa Hà Giang với những nội dung sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Số 11, đường Minh Khai, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Lê Thu Trang – Trưởng khoa Dược

Email: Lethutrangk59@gmail.com

Điện thoại: 0977.581.086

3. Cách thức tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược- Bệnh viện Đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang; Số 11, đường Minh Khai, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang. Điện thoại: 0977.581.086

- Nhận qua email: Lethutrangk59@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá (Theo phụ lục đính kèm)

1. Danh mục nhu cầu mua sắm thuốc ARV, Vị thuốc cổ truyền: Chi tiết tại Phụ lục 1, 2.

2. Mẫu báo giá mua sắm thuốc: Chi tiết tại Phụ lục 3.

Báo giá bằng văn bản, có chữ ký, họ tên, chức danh của người đại diện và đóng dấu đơn vị (Theo mẫu gửi kèm).

Bệnh viện Đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang rất mong các đơn vị quan tâm./.

Nơi nhận:

- Đăng Website bệnh viện,
- Đăng Website Muasamcong.mpi.gov.vn,
- Lưu: VT, KD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Dũng

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC THUỐC ARV
(Kèm theo Thông báo số 52 /TB-BVĐKHG ngày 19 tháng 11 năm 2025)

STT	STT TT20	Tên hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng
1	263	Lamivudin	150mg	Uống	Viên	Nhóm 4	Viên	13.680
2	267	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Uống	Viên	Nhóm 4	Viên	6.840
3	270	Lamivudine/ Zidovudin	150/300mg	Uống	Viên	Nhóm 5	Viên	12.960
4	271	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Uống	Viên	Nhóm 5	Viên	50.400
5	273	Lamivudin/Tenofovir disoproxil fumarat/Dolutegravir	300/300/50mg	Uống	Viên	Nhóm 5	Viên	196.200
	Tổng cộng: 05 danh mục							

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN
(Kèm theo Thông báo 52 /TB-BVĐKHG ngày 19 tháng 11 năm 2025)

TT	Số TT theo TT 05/2015/TT-BYT	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
1	4	Kinh giới	Herba Elsholiziae ciliatae	Toàn cây trừ rễ	Sao cháy	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
2	6	Quế chi	Ramulus Cinnamomi	Cành	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
3	9	Tế tân	Radix et Rhizoma Asari	Rễ và thân rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
4	15	Cát căn	Radix Puerariae thomsonii	Rễ	Sơ chế/ Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
5	17	Cúc hoa	Flos Chrysanthemi indici	Cụm hoa	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
6	24	Mạn kinh tử	Fructus Vitis	Quả	sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	1
7	27	Sài hồ	Bupleurum spp - Apiaceae	rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
8	29	Thăng ma	Rhizoma Cimicifugae	Thân rễ	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	1
9	34	Cốt khí củ	Radix Polygoni cuspidati	Rễ	Sơ chế/ Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	20
10	35	Dây đau xương	Caulis Tinosporae tomentosae	Thân	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	10
11	37	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	Rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	8
12	39	Hy thiêm	Herba Siegesbeckiae	Toàn cây trừ rễ	Sơ chế/ Tẩm rượu	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	3
13	40	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Fructus Xanthii strumarii	Quả	sao cháy gai / Tẩm rượu	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
14	41	Khương hoạt	Rhizoma et Radix Notopterygii	Thân rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	6

TT	Số TT theo TT 05/2015/ TT-BYT	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
15	44	Mộc qua	Fructus Chaenomelis speciosae	Quả	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
16	45	Ngũ gia bì chân chim	Cortex Schefflerae heptaphyllae	Vỏ thân	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
17	47	Phòng phong	Radix Saposhnikoviae divaricatae	Rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
18	50	Tang ký sinh	Loranthus gracilifolius Roxb.ex.Shult.f. - Loranthaceae	Toàn cây	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	10
19	53	Tần giao	Radix Gentianae macrophyllae	Rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
20	54	Thiên niên kiện	Rhizoma Homalomenae occultae	Thân rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
21	56	Uy linh Tiên	Radix et Rhizoma Clematidis	Rễ và thân rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	3
22	58	Can khương	Rhizoma Zingiberis	Thân rễ	Sao vàng/ sao cháy	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
23	78	Bồ công anh	Herba Lactucaae indicae	Toàn cây trừ rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
24	91	Kim ngân hoa	Flos Lonicerae	Cụm hoa	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
25	97	Thỏ phục linh	Rhizoma Smilacis glabrae	Thân rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	15
26	102	Chi tử	Fructus Gardeniae	Quả	Sao/ Sao qua/ Sao cháy	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	3
27	106	Huyền sâm	Radix Scrophulariae	Rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	8

TT	Số TT theo TT 05/2015/ TT-BYT	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
28	109	Tri mẫu	Anemarrhena asphodeloides Bge. - Liliaceae	rễ	Chích muối / chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	1
29	124	Nhân trần	Herba Adenosmatis caerulei	Toàn cây trừ rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
30	130	Bạch mao căn	Rhizoma Imperatae cylindrica	Thân rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
31	133	Mẫu đơn bì	Cortex Paeoniae suffruticosae	Vỏ rễ	Chích rượu/ Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	3
32	135	Sinh địa	Radix Rehmanniae glutinosae	Rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	3
33	137	Xích thược	Radix Paeoniae	Rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
34	141	Bán hạ nam (Củ chóc)	Rhizoma Typhonii trilobati	Thân rễ	Chế gừng/ Chế nước vôi trong	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
35	171	Câu đằng	Ramulus cum unco Uncariae	Thân, cành có gai móc câu	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
36	176	Thiên ma	Rhizoma Cimicifugae	Thân rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
37	179	Bá tử nhân	Semen Platycladi orientalis	Hạt	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	3
38	181	Lạc tiên	Herba Passiflorae	Toàn cây trừ rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	6
39	182	Liên tâm	Embryo Nelumbinis nuciferae	Cây mầm hạt sen	Sơ chế/ Sao qua	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
40	184	Bạch linh	Poria	Thể quả nấm	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	20
41	185	Táo nhân	Semen Ziziphi mauritanae	Hạt	Sao đen	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
42	187	Thảo quyết minh	Semen Cassiae torae	Hạt	Sao cháy/ Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
43	189	Viễn chí	Radix Polygalae	Rễ	Chích cam thảo/ Sao	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	6

TT	Số TT theo TT 05/2015/ TT-BYT	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
					cám				
44	198	Hương phụ	Rhizoma Cyperi	Thân rễ	Tứ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
45	203	Ô dược	Radix Linderae	Rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
46	208	Trần bì	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Vỏ quả	Sao vàng/ Sao cháy	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
47	211	Đan sâm	Radix Salviae miltiorrhizae	Rễ	Sơ chế/ Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	10
48	212	Đào nhân	Semen Pruni	Hạt	Sao vàng giữ vỏ/ Sao vàng bỏ vỏ	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
49	213	Hồng hoa	Flos Carthami tinctorii	Hoa	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	3
50	214	Huyền hồ	Tuber Corydalis	Rễ củ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
51	215	Huyết giác	Lignum Dracaenae cambodiana	Lõi gỗ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
52	217	Kê huyết đằng	Spatholobus suberectus Dunn. - Fabaceae	thân	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	15
53	221	Ngưu tất	Radix Achyranthis bidentatae	Rễ	Chích rượu/ Chích muối	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	15
54	225	Tô mộc	Caesalpinia sappan L. - Fabaceae	thân	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
55	226	Xuyên khung	Rhizoma Ligustici wallichii	Thân rễ	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
56	230	Hồ hoa	Flos Styphnolobii japonici	Hoa	Sao vàng/ sao cháy	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
57	236	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Poria	Thể quả nấm	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	15
58	238	Cỏ ngọt	Stevia rebaudiana Bertoni. - Asteraceae	lá	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4

TT	Số TT theo TT 05/2015/ TT-BYT	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
59	245	Kim tiền thảo	Herba Desmodii styracifolii	Toàn cây trừ rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	3
60	258	Ý dĩ	Semen Coicis	Hạt	Sao cám	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
61	278	Sơn tra	Fructus Mali	Quả	Sao qua/ Sao đen	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	3
62	279	Thương truật	Rhizoma Atractylodis	Thân rễ	Sao qua/Sao vàng/ Sao cháy	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	8
63	280	Khiêm thực	Semen Euryales	Hạt	Sao vàng/ Sao cám	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
64	282	Liên nhục	Semen Nelumbinis	Hạt	Sơ chế/ Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	8
65	286	Ngũ vị tử	Fructus Schisandrae	Quả	Tẩm mật/ Tẩm giấm	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	2
66	290	Sơn thù	Fructus Corni officinalis	Quả	Chung/ Tẩm rượu chung	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
67	295	Bạch thược	Radix Paeoniae lactiflorae	Rễ	Chích rượu / Sao	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	15
68	296	Đương quy (Toàn quy)	Radix Angelicae sinensis	Rễ	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	24
69	298	Hà thủ ô đỏ	Radix Fallopiae multiflorae	Rễ	Chế đậu đen	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	24
70	299	Long nhãn	Arillus Longan	Cùi của quả	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	24
71	301	Thục địa	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rễ	Chế rượu, gừng, sa nhân	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	3
72	303	Câu kỷ tử	Fructus Lycii	Quả	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	20
73	305	Mạch môn	Radix Ophiopogonis japonici	Rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	8
74	309	Sa sâm	Radix Glehniae	Rễ	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	8

TT	Số TT theo TT 05/2015/ TT-BYT	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
75	312	Ba kích	Radix Morindae officinalis	Rễ	Chích muối/ chích rượu/ Chích cam thảo	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	7
76	315	Cầu tích	Cibotium barometz (L.) J. Sm. - Dicksoniaceae	thân rễ	Sao vàng/ sao cách cát/ chích rượu/ chích muối	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	12
77	316	Cốt toái bồ	Rhizoma Drynariae	Thân rễ	Sao/ Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	15
78	319	Đỗ trọng	Cortex Eucommiae	Vỏ cây	Chích muối/ Chích rượu/ Sao đen	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	20
79	323	Nhục thung dung	Herba Cistanches	Toàn cây trừ rễ	Sơ chế/ Chưng rượu	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	4
80	327	Tục đoạn	Radix Dipsaci	Rễ	Chích rượu/ Chích muối	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	5
81	328	Bạch truật	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Thân rễ	Chích rượu/Sao cám mật ong	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	10
82	329	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	Rễ	Sơ chế/ Chích mật ong	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	6
83	330	Đại táo	Fructus Ziziphi jujubae	Quả	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	18
84	331	Đảng sâm	Radix Codonopsis	Rễ	Chích gừng	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	20
85	333	Hoài sơn	Dioscorea persimilis Prain et Burkill - Dioscoreaceae	Thân rễ	Sao cám	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	9
86	334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Radix Astragali membranacei	Rễ	Chích mật	Tiêu chuẩn cơ sở	Nhóm 2	Kg	14
	Tổng cộng: 86 mặt hàng								

Phụ lục 3

Công ty:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Email:.....

Mã số thuế:.....

Số tài khoản tại ngân hàng

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang

Công ty xin gửi danh mục và giá dự kiến các sản phẩm Công ty hiện đang phân phối như sau:

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm TCKT	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Giá trúng thầu	Đơn vị trúng thầu, ngày trúng thầu
	<i>Tổng số: Mặt hàng</i>												

*** Nhà thầu cam kết:**

- Hàng đảm bảo chất lượng, được phép lưu hành trên thị trường, còn số đăng ký.
- Giá chào: Giá trọn gói đã bao gồm thuế, phí vận chuyển, các chi phí liên quan khác và bàn giao hàng tại kho khoa dược bệnh viện.
- Báo giá này có hiệu lực trong vòng 180 ngày kể từ ngày

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- 1. Đơn vị chịu trách nhiệm về các tài liệu làm căn cứ phân nhóm kỹ thuật theo quy định tại Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế*
- 2. Đề nghị quý công ty làm bảng báo giá theo đúng mẫu Bệnh viện đa khoa Hà Giang đã gửi, không thêm bớt các cột để thuận tiện cho Bệnh viện tổng hợp.*
- 3. Nếu thuốc thuộc danh mục tại Phụ lục 1 đã có kết quả trúng thầu tại các cơ sở y tế trong vòng 12 tháng, đề nghị Quý công ty cung cấp các quyết định trúng thầu để Bệnh viện làm căn cứ tổng hợp.*

Công ty:.....
 Địa chỉ:
 Điện thoại:.....
 Email:.....
 Mã số thuế:.....
 Số tài khoản tại ngân hàng

BÁO GIÁ VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang

Công ty xin gửi danh mục và giá dự kiến các sản phẩm Công ty hiện đang phân phối như sau:

S T T	Tên vị thuốc cổ truyền	Bộ phận dùng	Tên khoa học (*)	Phương pháp chế biến (**)	Quy cách đóng gói	Phân nhóm	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Nguồn gốc (***)	Số ĐKLH/ GPNK; Số công bố TCCL hoặc phiên bản Được diễn áp dụng ⁽¹⁾	Cơ sở sản xuất ⁽²⁾	Cơ sở cung cấp ⁽³⁾	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Giá trúng thầu	Đơn vị trúng thầu, ngày trúng thầu
	Tổng số: Mặt hàng														

*** Nhà thầu cam kết:**

- Hàng đảm bảo chất lượng, được phép lưu hành trên thị trường, còn số đăng ký.
- Giá chào: Giá trọn gói đã bao gồm thuế, phí vận chuyển, các chi phí liên quan khác và bàn giao hàng tại kho khoa dược bệnh viện.
- Báo giá này có hiệu lực trong vòng 180 ngày kể từ ngày

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Tên khoa học: Ghi theo Thông tư số 14/2024/TT-BYT.

** Phương pháp chế biến: Mô tả hình thức và phương chế biến ghi theo Thông tư số 14/2024/TT-BYT

*** Nguồn gốc: Ghi cụ thể nước xuất xứ của vị thuốc cổ truyền hoặc dược liệu là nguyên liệu sản xuất vị thuốc cổ truyền.

Ghi chú:

- ¹ Ghi rõ số giấy đăng ký lưu hành của dược liệu hoặc số giấy phép nhập khẩu hoặc TCCL hoặc số GACP hoặc Dược điển áp dụng tiêu chuẩn chất lượng.
- ² Cơ sở sản xuất: Cơ sở sơ chế, chế biến dược liệu, vị thuốc cổ truyền.
- ³ Cơ sở cung cấp là cơ sở cung cấp trực tiếp mặt hàng dự thầu.
 - Đề nghị quý công ty làm bảng báo giá theo đúng mẫu Bệnh viện đa khoa Hà Giang đã gửi, không thêm bớt các cột để thuận tiện cho Bệnh viện tổng hợp.
 - Nếu thuốc thuộc danh mục tại Phụ lục 1 đã có kết quả trúng thầu tại các cơ sở y tế trong vòng 12 tháng, đề nghị Quý công ty cung cấp các quyết định trúng thầu để Bệnh viện làm căn cứ tổng hợp.